

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2017/HSST
Ngày 22/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hương Giang**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Thiệu** và bà **Lý Thuý Hà**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Vũ Đức Thảo** - Cán bộ tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Khánh Đại** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 174/2017/HSST ngày 30/11/2017 đối với bị cáo:

Trần Duy T - sinh ngày 30/10/1984 tại thành phố Tuyên Quang

Cư trú: Tổ 38, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần V và bà Vũ T; Có vợ là Trần Th và có 01 con.

Tiền án: - Ngày 26/12/2008 Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2011.

- Ngày 27/6/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2017.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21 tháng 9 năm 2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang ra quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 15/9/2017 đối với Trần Duy T.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2017 trong vụ án khác, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* Người bị hại:

- Chị Hoàng X, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

* Người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thu Tr, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm 8, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Duy T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 11/9/2017 Trần Duy T đi xe mô tô đến nơi trọ của chị Hoàng X (chị X thuê nhà trọ ở tổ 18, phường H, thành phố T). Đến nơi, T thấy khu nhà trọ khoá cổng nhưng cửa phòng ở của chị X vẫn mở. T trèo qua tường rào đi vào phòng ở của chị X, thấy con trai chị X (cháu Hoàng B- 02 tuổi) đang nằm trên giường chơi, trên giường có chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F1S màu vàng hồng. Lúc này chị X đang ở gian bếp (giáp phòng khách), T vào lấy chiếc điện thoại rồi đi ra khỏi phòng, cháu bảo B khóc nên chị X chạy lên, T trèo qua tường rào rồi lấy xe mô tô đi. Sau đó T mang chiếc điện thoại vừa trộm cắp được đến cửa hàng cầm đồ D ở xóm 8, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cầm cố cho chị Trần Thu Tr được 1.200.000đồng. T đã tiêu sài cá nhân hết số tiền này. Đến ngày 24/9/2017 chị Tr đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuyên Quang.

Tại Kết luận số 131/KLĐG ngày 06/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, giá trị còn lại là 3.150.000đồng (Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số 174/QĐ-KSĐT ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Trần Duy T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Duy T phạm tội Trộm cắp tài sản; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Duy T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo trả lại cho chị Trần Thu Tr số tiền 1.200.000đồng.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tham gia tranh luận và nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án, như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, kết luận định giá tài sản, vật chứng, ... Bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng của VKSND thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, không oan. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt như kết luận định giá là 3.150.000 đồng, bị cáo nhất trí, không thắc mắc gì. Bản thân đã có 02 tiền án, năm 2008 bị TAND huyện Yên Sơn xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2011 thì đến ngày 03/4/2011 tiếp tục phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị TAND tỉnh Tuyên Quang xét xử ngày 27/6/2011, chấp hành xong hình phạt tù của bản án này vào ngày 21/01/2017. Đến ngày 11/9/2017 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị Hoàng X trị giá 3.150.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Duy T phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải đưa ra xét xử nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì mục đích vụ lợi muốn có tiền tiêu sài cho bản thân nhưng không chịu lao động chân chính nên tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Do đó cần áp dụng một hình phạt tù tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo vì quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này có chị Trần Thu Tr là người cho bị cáo cầm cố chiếc điện thoại mà bị cáo đã trộm cắp được nhưng chị Tr không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

** Về trách nhiệm dân sự:*

- Ngày 16/10/2017 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang đã trả lại chiếc điện thoại di động cho chị Hoàng X, chị X không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên HĐXX không đặt ra xem xét đối với bị cáo.

- Đối với yêu cầu của chị Trần Thu Tr về việc buộc bị cáo trả lại số tiền 1.200.000 đồng. Xét giao dịch dân sự giữa bị cáo và chị Tr là vô hiệu do bị lừa dối, người có lỗi là bị cáo, cụ thể: Khi mang điện thoại vừa trộm cắp được đến cửa hàng chị Tr bị cáo nói vừa bị tai nạn xe máy nên cần tiền và cầm cố chiếc điện thoại của bị cáo để bồi thường, giấy tờ tùy thân bị người mà bị cáo va chạm giao thông giữ lại hết. Đối

với cửa hàng của chị Tr kinh doanh có giấy đăng ký kinh doanh của cơ quan nhà nước, do vậy yêu cầu của chị Tr là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Duy T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Duy T 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Áp dụng: Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các Điều 127, 131 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thu Tr số tiền 1.200.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thi hành khoản tiền trên thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Áp dụng các Điều 99, 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng là 500.000đồng.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKSND thành phố (2 bản);
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS th. phố;
- UBND P. Minh Xuân;
- Phòng HSNVCA tỉnh;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang

